HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 62

TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
10	Mười	B.A.Anh		- Số tờ: 01 - Mã đề: 01

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

Chú ý: Yêu cầu cán bộ coi thi ghi rõ họ tên

Kết quả

Câu 1: 2,0
Câu 2: 1,0
Câu 3: 3,0
Câu 4: 4,0
Câu 5: ✓
Cộng: 10

Câu 1:

1. a ✓		5. c ✓	8/8 = 2,0
2. d ✓		6. c ✓	
3. b ✓		7. d ✓	
4. a ✓		8. d ✓	

Câu 2:

*) Phương pháp phân bổ tuần tiếp

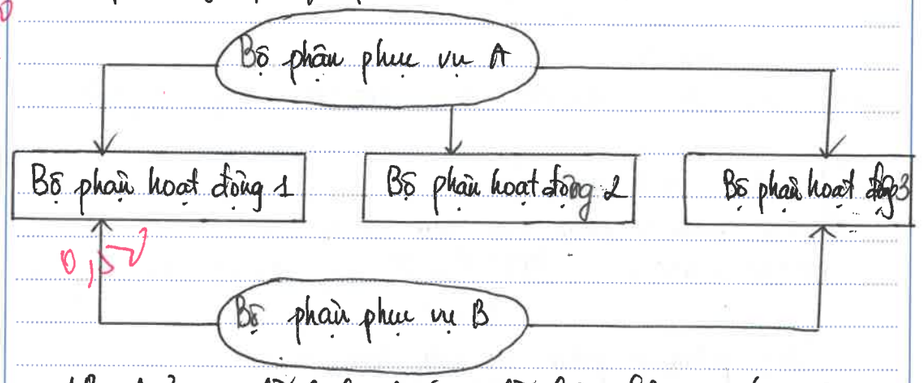

0,5✓

- Ưu điểm: dễ tính toán, dễ làm hơn so với các phương pháp khác
- Nhược điểm: Mức độ chính xác không cao vì đã bỏ qua cái dịch vụ cung cấp lẫn nhau của bộ phận phục vụ. Do đó có thể làm dẫn đến kết quả sai lệch, trách nhiệm của bộ phận sai lệch và sai lệch chi phí phân bổ của bộ phận chức năng 0,5✓

KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO PHẦN CÓ GẠCH CHÉO

Câu 3:

1*) Phương pháp chi phí toàn bộ

GB = Chi phí sản xuất + phần tiền tăng thêm

- Chi phí sản xuất = CPNVLTT + CPNCTT + CPSXC

= 20 000 + 8000 + 28 000 = 56 000 đồng 0,5đ

- Phần tiền tăng thêm

+) Mức hoàn vốn mong muốn $\frac{2{,}2\text{tỷ} \times 20\%}{20\,000} = 22\,000$ đồng

+) Tỷ lệ phần tiền tăng thêm: $\frac{11000 + 2000 + 22\,000}{56\,000} = 0{,}5$

⇒ GB = 56000 + 56000 × 0,5 = 84 000 đồng 0,5đ

*) Phương pháp chi phí tiếp

GB = Biến phí sản xuất kinh doanh + Phần tiền tăng thêm

- Biến phí sản xuất kinh doanh = 20 000 + 8000 + (28000 − 18000) + 4000

= 42 000 đồng 0,5đ

- Phần tiền tăng thêm:

+) Tỷ lệ phần tiền tăng thêm: $\frac{18000 + 2000 + 22000}{42\,000} = 1$

⇒ GB = 42 000 + 42000 · 1 = 84 000 đồng 0,5đ

2.

*) Giá bán hoà ~~bo~~ vốn

- Theo phương pháp chi phí toàn bộ

$56000 + 56000 \times \frac{11000 + 2000}{56000} = 62\,000$ đồng 0,5đ

- Theo phương pháp chi phí tiếp:

$42000 + 42000 \times \frac{18000 + 2000}{42000} = 62\,000$ đồng

Vậy giá bán hoà vốn là 62 000 đồng 0,5đ

Câu 4:

1. Tính IRR

- Phương án 1:

$NPV = -1{,}4 + (0{,}8 - 0{,}3)\frac{(1+x)^4 - 1}{x(1+x)^4} + \frac{0{,}4}{(1+x)^4}$ 0,5đ

Chọn $x_1 = 0{,}22 \rightarrow NPV_{x_1} = 0{,}02738$

$x_2 = 0{,}23 \rightarrow NPV_{x_2} = -0{,}0011051$

$IRR = 0{,}22 + \frac{0{,}02738}{0{,}02738 + |-0{,}0011051|} \cdot (0{,}23 - 0{,}22)$

$\approx 0{,}2296 \sim 22{,}96\%$ 0,5đ

- Phương án 2:

$NPV = -3 + (1{,}2 - 0{,}5)\frac{(1+x)^8 - 1}{x(1+x)^8} + \frac{0{,}7}{(1+x)^8}$ 0,5đ

Chọn $x_1 = 0{,}18 \rightarrow NPV_{x_1} = 0{,}04052$

$x_2 = 0{,}19 \rightarrow NPV_{x_2} = -0{,}05787$

$IRR = 0{,}18 + \frac{0{,}04052}{0{,}04052 + |-0{,}05787|} \cdot (0{,}19 - 0{,}18)$

$\approx 0{,}1841 \sim 18{,}41\%$ 0,5đ

2. Đánh giá phương án

Phương án 1: IRR = 22,96%

Phương án 2: IRR = 18,41% 0,5đ

⇒ Cả 2 phương án đều có IRR > IRR kỳ vọng (11%)

⇒ Cả 2 phương án đều đáng giá

3. Lựa chọn phương án

- Tính giá số của phương án 2 so với phương án 1

+) Đầu tư ban đầu: 3 − 1,4 = 1,6

+) Đầu tư năm thứ tư: −(1,4 − 0,4) = −1

+) ~~Chi phí hàng năm: 0,5 − 0,~~

+) Thu nhập hàng năm: 1,2 − 0,8 = 0,4

+) Chi phí hàng năm: 0,5 − 0,3 = 0,2

+) Giá trị còn lại: 0,7 − 0,4 = 0,3

$NPV_{giả\ số} = -1{,}6 + \frac{1}{(1+x)^4} + (0{,}4 - 0{,}2)\cdot\frac{(1+x)^8 - 1}{x(1+x)^8} + \frac{0{,}3}{(1+x)^8}$ 0,5đ

Chọn $x_1 = 0{,}14 \rightarrow NPV_{x_1} = 0{,}02502$

$x_2 = 0{,}15 \rightarrow NPV_{x_2} = -0{,}03271$

$IRR_{giả\ số} = 0{,}14 + \frac{0{,}02502}{0{,}02502 + |-0{,}03271|}(0{,}15 - 0{,}14)$

$\approx 0{,}1443 \sim 14{,}43\% > IRR_{kỳ\ vọng}$ 0,5đ

Có $IRR_{giả\ số} > IRR_{kỳ\ vọng}$ ⇒ Chọn phương án có vốn đầu tư lớn nhất → Chọn phương án 2. 0,5đ

= 15,66% 0,5

2. Đánh giá các phương án.
IRR1 = 23,04%
IRR2 = 15,66%
Cả 2 phương án đều có IRR > IRR kỳ vọng (11%)
→ Cả 2 phương án đều đáng giá. 0,25

3. Lựa chọn phương án.
- Tính giá số
+ Vốn đầu tư:
Năm T1 = 1,4 - 3 = -1,6
Năm T4 = 1,4 - 0,4 = 1
+, Thu nhập hàng năm: 1,2 - 0,8 = 0,4 0,5
+, Chi phí hàng năm: 0,5 - 0,3 = 0,2
+ Giá trị còn lại: 0,7 - 0,4 = 0,3

$$NPV_x = -1,6 - 1 + (0,4 - 0,2) \times \frac{(1+x)^8 - 1}{x(1+x)^8} + \frac{0,3}{(1+x)^8}$$ 0,5

Chọn
$x_1 = 0,14 \Rightarrow NPV_{x1} = 0,025020\,5$
$x_2 = 0,15 \Rightarrow NPV_{x2} = -0,032534\,03$

$$\Rightarrow IRR_{gần\,số} = x_1 + \frac{NPV_{x1}}{NPV_{x1} - |NPV_{x2}|} \times (x_2 - x_1)$$

$$= 0,14 + \frac{0,025020\,5}{0,025020\,5 + |-0,032534\,31|} \times (0,15 - 0,14)$$

= 14,43% 0,5

→ Chọn phương án 2 vì có vốn đầu tư lớn hơn. 0,25

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 25

TÊN HỌC PHẦN: Kế toán quản trị 2

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			- Số tờ: 1
9,8	Chín Tám	B2Anh		- Mã đề: 01

Kết quả

Câu 1: 1,75
Câu 2: 1,00
Câu 3: 3,00
Câu 4: 4,00
Câu 5: /
Cộng: 9,75

Câu 1:
1. A đ
2. D đ
3. B đ
4. A đ
5. C đ
6. C đ
7. D đ
8. C ✓

7/8 = 1,25

Câu 2: Sơ đồ và ưu nhược điểm của phương pháp phân bổ trực tiếp.

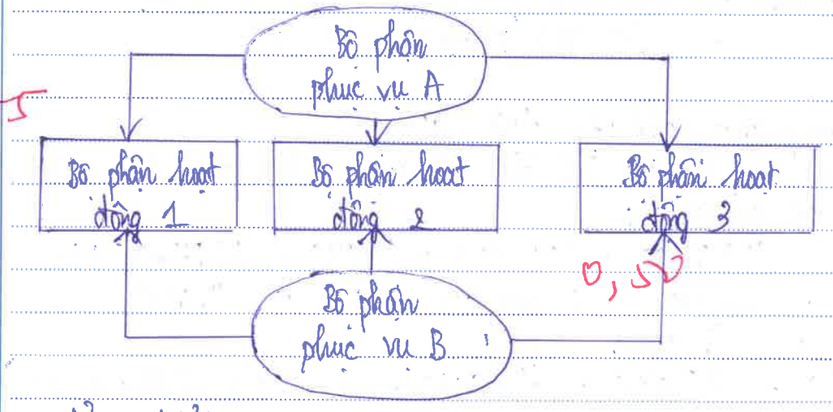

0,5

* Ưu điểm:
- Tính toán đơn giản, dễ làm hơn so với các phương án khác.

* Nhược điểm: 0,5
- Mức độ chính xác không cao vì đã bỏ qua các dịch vụ cung cấp lẫn nhau giữa các bộ phận

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

phục vụ. Do đó có thể dẫn đến kết quả, trách nghiệm sai lệch cả chi phí phân bổ cho bộ phận chức năng.

Câu 3:

1. Định giá bán sản phẩm theo phương pháp chi phí toàn bộ và phương pháp chi phí trực tiếp:

* Phương pháp chi phí toàn bộ:

Giá bán = Chi phí sản xuất + phần tiền tăng thêm.

- Chi phí sản xuất:

CPSX = CPNVLTT + CPNCTT + CPSXC
= 20.000 + 8.000 + 28.000
= 56.000 đ 0,5đ

- Tỷ lệ phần tiền tăng thêm:

+) Hoàn vốn mong muốn = $\frac{2.200.000.000 \times 20\%}{20.000}$ = 22.000 đ

+) Tỷ lệ phần tiền tăng thêm = $\frac{4.000 + 2.000 + 22.000}{56.000}$ = 0,5 0,25

→ Giá bán = 56.000 + 56.000 x 0,5
= 84.000 (đ/sp) 0,5đ

* Phương pháp chi phí trực tiếp:

Giá bán = Chi phí Biến phí sản xuất + Phần tiền tăng thêm.

- Biến phí sản xuất:

BPSX = CPNVLTT + CPNCTT + BPSXC + BPBH&QLDN
= 20.000 + 8.000 + 10.000 + 4.000
= 42.000 đ 0,5đ

(BPSXC = CPSXC - ĐPSXC = 28.000 - 18.000 = 10.000)

- Tỷ lệ phần tiền tăng thêm = $\frac{18.000 + 2.000 + 22.000}{42.000}$
= 1 0,25

→ Giá bán = 42.000 + 42.000 x 1
= 84.000 (đ/sp) 0,5đ

2. Định giá bán hoà vốn

- Phương pháp chi phí toàn bộ = 56.000 + 56.000 x $\frac{4.000 + 2.000}{56.000}$
= 62.000 (đ/sp) 0,25

- Phương pháp chi phí trực tiếp = 42.000 + 42.000 x $\frac{18.000 + 2.000}{42.000}$
= 62.000 (đ/sp) 0,25

Câu 4:

IRR kỳ vọng = 11%.

1. Tính IRR các phương án:

* Phương án 1:

$NPV_x = -1,9 + (0,8 - 0,3) \times \frac{(1+x)^9 - 1}{x(1+x)^9} + \frac{0,4}{(1+x)^9}$ 0,5

Chọn:

$x_1 = 0,22 \rightarrow NPV_{x_1} = 0,0273798$

$x_2 = 0,23 \quad NPV_{x_2} = -0,0011051$

$\Rightarrow IRR_1 = x_1 + \frac{NPV_{x1}}{NPV_{x1} - |NPV_{x2}|} \times (x_2 - x_1)$

$= 0,22 + \frac{0,0273798}{0,0273798 - |-0,0011051|} \times (0,23 - 0,22)$

= 23,09% 0,5đ

* Phương án 2:

$NPV_x = -3 + (1,2 - 0,5) \times \frac{(1+x)^8 - 1}{x(1+x)^8} + \frac{0,7}{(1+x)^8}$ 0,5đ

Chọn:

$x_1 = 0,18 \rightarrow NPV_{x_1} = 0,0405227$.

$x_2 = 0,19 \quad NPV_{x_2} = -0,0578797$

$\Rightarrow IRR_2 = x_1 + \frac{NPV_{x1}}{NPV_{x1} - |NPV_{x2}|} \times (x_2 - x_1)$

$= 0,18 + \frac{0,0405227}{0,0405227 - |-0,0578797|} \times (0,19 - 0,18)$

3. Lựa chọn phương án

So sánh PA2 với PA1.

- Vốn đầu tư:
  + Năm thứ 1: 3 - 1,4 = 1,6 (triệu USD)
  + Năm thứ 4: -(1,4 - 0,4) = -1 (triệu USD) 0,5đ
- Chi phí hàng năm = 0,5 - 0,3 = 0,2 (triệu USD)
- Thu nhập hàng năm = 1,2 - 0,8 = 0,4 (triệu USD)
- Giá trị còn lại = 0,7 - 0,4 = 0,3 (triệu USD)

$$NPV_{giả\ sử} = -1,6 + \frac{1}{(x+1)^4} * (0,4-0,2) \times \frac{(x+1)^8 - 1}{(x+1)^8 \cdot x} + \frac{0,3}{(1+x)^8}$$ 1,5đ

~~$x_1 = -1,57 \Rightarrow NPV_{x1} = 46,10107565$~~

$x_2 =$

$x_1 = -1,96 \Rightarrow NPV_{x1} = 0,0326493$

$x_2 = -1,97 \Rightarrow NPV_{x2} = -0,05963888$

$$\Rightarrow IRR_{giả\ sử} = -1,96 + \frac{0,0326493}{0,0326493 + |-0,05963888|} \times (-1,97 + 1,96)$$

$= -1,963$

~~Vì $IRR_{giả\ sử} < IRR_{kỳ\ vọng}$~~

Vì $IRR_{giả\ sử} < 0$ → Chọn phương án 1 vì có vốn ~~đầu tư ít hơn~~ ta có:

$x_1 = 0,14 \Rightarrow NPV_{x1} = 0,0250207$

$x_2 = 0,15 \Rightarrow NPV_{x2} = -0,0327119$

$$\Rightarrow IRR_{giả\ sử} = 0,14 + \frac{0,0250207}{0,0250207 + |-0,0327119|} \times (0,15 - 0,14)$$

$= 14,43\% > IRR_{kỳ\ vọng}$ 0,5đ

Vì $IRR_{giả\ sử}$ lớn hơn 0 và lớn hơn $IRR_{kỳ\ vọng}$

⇒ Chọn phương án 2 vì có vốn đầu tư lớn hơn.

Vậy nên chọn phương án 2 để đầu tư.

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 23

TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9,8	chín tám	Ratmb		- Số tờ: 01 - Mã đề: 01

Kết quả

Câu 1: 2,0đ
Câu 2: 1,0đ
Câu 3: 3,0đ
Câu 4: 3,75đ
Câu 5: /
Cộng: 9,75

Câu 1:

1. A đ
2. D đ
3. B đ
4. A đ
5. C đ
6. C đ
7. D đ
8. D đ

8/8 = 2,0

Câu 2:

- Phương pháp phân bổ trực tiếp là phương pháp đơn giản, các bộ phận phục vụ không cung cấp dịch vụ qua lại lẫn nhau giữa các bộ phận.
- Tất cả chi phí của bộ phận phục vụ được phân bổ hết cho các bộ phận hoạt động.

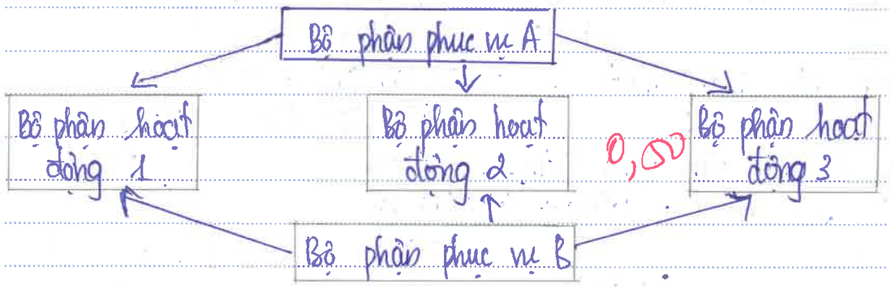

0,5đ

- Ưu điểm: đơn giản, dễ thực hiện hơn các phương pháp khác.
- Nhược điểm: mức độ chính xác không cao vì không cung cấp dịch vụ qua lại lẫn nhau giữa các bộ phận phục vụ, từ đó dẫn đến kết quả, trách nhiệm sai lệch, cả sai lệch có về chi

0,5đ

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

phí phân bổ cho bộ phận chức năng

Câu 3:

1, tính giá bán sản phẩm

a) Theo phương pháp chi phí toàn bộ

* GB = Chi phí sản xuất + Phần tiền tăng thêm

- Chi phí sản xuất = Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + Chi phí nhân công trực tiếp + Chi phí sản xuất chung

= 20.000 + 8.000 + 28.000 = 56.000 (đồng) 0,5

- Hoàn vốn mong muốn = 2.200.000.000 × 20%

= 440.000.000 (đồng)

- Tỷ lệ phần tiền tăng thêm = $\frac{4.000 + 2.000 + 440.000.000 / 20.000}{56.000}$

= 50% = 0,5 0,25

- Giá bán = 56.000 + 56.000 × 50%

= 84.000 (đồng) 0,5

Vậy giá bán theo phương pháp chi phí toàn bộ là 84.000 đồng

b) Theo phương pháp chi phí trực tiếp

GB = Biến phí sản xuất kinh doanh + Phần tiền tăng thêm

- Biến phí sản xuất kinh doanh = Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + Chi phí nhân công trực tiếp + Biến phí sản xuất chung + Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

= 20.000 + 8.000 + (28.000 − 18.000) + 4.000

= 42.000 (đồng) 0,5

- Hoàn vốn mong muốn = 2.200.000.000 × 20%

= 440.000.000 (đồng)

- Tỷ lệ phần tiền tăng thêm = $\frac{18.000 + 2.000 + 440.000.000}{20.000}$

= $\frac{20.000}{42.000}$ = 1 0,25

- Giá bán = 42.000 + 42.000 × 1 = 84.000 (đồng) 0,5

Vậy giá bán theo phương pháp chi phí trực tiếp là 84.000 đồng

2, tính giá bán hoà vốn

- Theo phương pháp chi phí toàn bộ:

GBHV = 56.000 + 56000 × $\frac{4.000 + 2.000}{56.000}$ = 62.000 (đồng)

0,25

- Theo phương pháp chi phí trực tiếp

GBHV = 42.000 + 42.000 × $\frac{18.000 + 2.000}{42.000}$ = 62.000 (đồng)

Vậy giá bán hoà vốn theo 2 phương pháp là 62.000 đồng 0,25

Câu 4:

1 Xác định IRR

- Phương án 1:

~~$NPV_1 = -1,4 + (0,8 - 0,3) \times \frac{(1+10\%)^4}{10\% \times (1+11\%)^4} \times \frac{0,4}{(1+11\%)^4}$~~

$NPV_1 = -1,4 + (0,8 - 0,3) \times \frac{(1+x)^4 - 1}{x \cdot (1+x)^4} + \frac{0,4}{(1+x)^4}$ 0,5

Theo phương pháp nội suy:

$\begin{cases} x_1 = 0,22 \Rightarrow NPV_{x_1} = 0,027379888974 \\ x_2 = 0,23 \Rightarrow NPV_{x_2} = -0,001105120853 \end{cases}$

$\Rightarrow IRR_1 = x_1 + \frac{NPV_{x_1}}{NPV_{x_1} + |NPV_{x_2}|} \times (x_2 - x_1)$

$= 0,22 + \frac{0,027379888974}{0,027379888974 + |-0,001105120853|} \times (0,23 - 0,22)$

= 22,96% 0,5

- Phương án 2:

$NPV_{x_2} = -3 + (1,2 - 0,5) \times \frac{(1+x)^8 - 1}{x(1+x)^8} + \frac{0,7}{(1+x)^8}$ 0,5

$\begin{cases} x_1 = 0,18 \Rightarrow NPV_{x_1} = 0,0405227 \\ x_2 = 0,19 \Rightarrow NPV_{x_2} = -0,05787746 \end{cases}$

$\Rightarrow IRR_2 = 0,18 + \frac{0,0405227}{0,0405227 + |-0,05787746|} \times (0,19 - 0,18)$

= 18,41% 0,5

2. Đánh giá:

Cả 2 phương án đều có IRR > 0

⇒ Cả 2 phương án đều đáng giá 0,25

Theo phương pháp IRR:

+ nếu chỉ được chọn một phương án thì nên chọn phương án nào có tỷ IRR cao hơn ✓

+ nếu được chọn dự án khả thi thì có thể chọn cả hai phương án vì có IRR cao hơn IRR kì vọng. ✓ 0,5

Câu 2.

Phương pháp phân bổ trực tiếp.

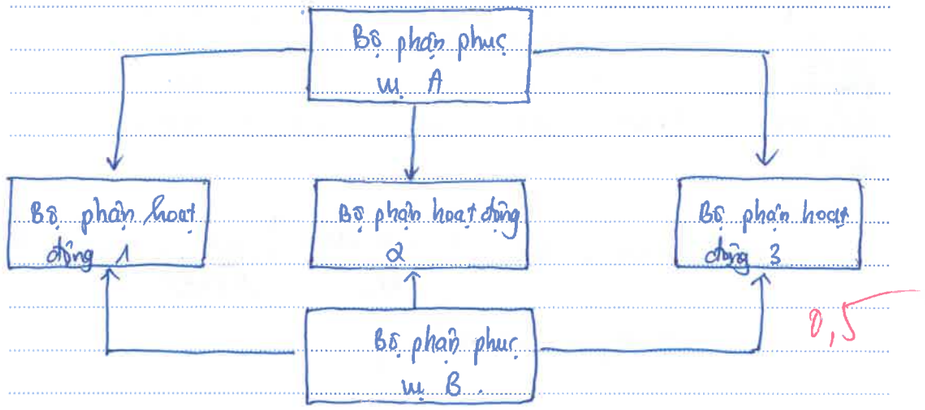

0,5

- Ưu điểm

+ Phương pháp phân bổ trực tiếp có ưu điểm là đơn giản, dễ tính toán hơn các phương pháp khác.

- Nhược điểm

+ Nức độ chính xác không cao vì đã bỏ qua các dịch vụ cung cấp lẫn nhau giữa các bộ phận bục phục vụ. Do đó 0,25 dẫn đến kết quả, trách nhiệm của các bộ phận sai lệch và sai lệch cả chi phí phân bổ cho các bộ phận chức năng

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 113

TÊN HỌC PHẦN: kế toán quản trị 2

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9,5	Chín rưỡi			- Số tờ: 01 - Mã đề: 01

Kết quả

Câu 1: 1,75
Câu 2: 0,75
Câu 3: 3
Câu 4: 4
Câu 5: /
Cộng: 9,5

Câu 1

1. ~~B~~ A ✗
2. D ✓
3. B ✓
4. A ✓
5. C ✓ 1,75
6. C ✓
7. ~~B~~ D ✓
8. ~~B~~ D ✓

Câu 3.

* Vốn đầu tư : 0,0 tỷ đồng
- Tỉ lệ hoàn VAT : 20%
- Sản lượng : 20 000 sp.
- NVLTT : 20 000 đ/sp
* NCTT : 8 000 đ/sp
- SXC : 28 000 đ/sp
* Trong đó: định phí : 18 000 đ/sp
biến phí : 10 000 đ/sp 0,5
- Bình phí BH và QLDN : 4 000 đ/sp
- Định phí BH và QLDN : 0 000 đ/sp ✓

1. Phương pháp chi phí toàn bộ

Ta có: P = CP trực tiếp + Phân bổ
P = CP trong SX + CP ngoài SX + Phân bổ ✓

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

+ CP trong sản xuất = NVL + NCTT + SXC
= 20 000 + 8 000 + 28 000
= 56 000 (đ/sp) ✓

+ CP ngoài sản xuất = * BP BH và QLDN + Định phí BH và QLDN
= 4000 + 2000
= 6 000 (đ/sp) ✓

+ Phần dôi = $\frac{\text{VĐT} \times \text{Tỉ lệ VĐT mang nước}}{\text{SL sản phẩm}} = \frac{2\,200\,000\,000 \cdot 20\%}{20\,000} = 22\,000$ (đ/sp)

⇒ Giá bán sản phẩm:

P = CP trong sản xuất + CP ngoài sản xuất + Phần dôi ✓

P = 56 000 + 6 000 + 22 000 = 84 000 (đ/sp) ✓ 0,5

+) Phương pháp chi phí trực tiếp:

P = Σ Biến phí + Phần dôi

BP SXC = CP SXC − Định phí SXC = 28 000 − 18 000 = 10 000 (đ/sp)

Σ biến phí = NVL + NCTT + BP SXC + BP BH và QLDN 0,5

= 20 000 + 8 000 + 10 000 + 4000

= 42 000 (đ/sp)

Phần dôi = 22 000 (đ/sp)

⇒ Giá bán sản phẩm theo phương pháp chi phí trực tiếp:

P = Σ biến phí + Phần dôi

P = 42 000 + 22 000 = 64 000 (đ/sp) ✓ 0,5

⇒

Vậy theo phương pháp chi phí toàn bộ, P = 84 000 đ/sp

theo phương pháp chi phí trực tiếp; P = 64 000 đ/sp ✓ 0,5

⇒ Trường hợp, phần dôi được tính theo chi phí nên cứ từng phương pháp tacó:

Phương pháp chi phí toàn bộ có Giá bán là:

P = CP nền + 20% CP nền = (56 000 + 6000) . 1,2 = 74 400 (đ/sp)

Phương pháp chi phí trực tiếp:

P = CP nền + 20% CP nền = 42000 . 1,2 = 50 400 (đ/sp) ✓

a. Định giá bán hoà vốn:

Giá bán hoà vốn là giá bán để bù đắp toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra. Vì vậy, giá hoà vốn = CP nền trong phương pháp chi phí toàn bộ

⇒ P_{hv} = CP nền = 56 000 + 6000 = 62 000 (đ/sp)

Vậy giá bán hoà vốn là 62 000 đ/sp ✓ 0,5

Câu 4.

- PA1:

Đơn vị: tr.USD

Năm	0	1	2	3	4
VĐT	(1,4)				
Thu nhập		0,8	0,8	0,8	0,8
Chi phí		(0,3)	(0,3)	(0,3)	(0,3)
GTCL					0,4
Dòng tiền	(1,4)	0,5	0,5	0,5	0,9

0,5

Ta có:

$NPV = -1,4 + 0,5 \cdot \frac{1-(1+IRR_1)^{-4}}{IRR_1} + \frac{0,4}{(1+IRR_1)^4} = 0$ ✓ 0,5

⇒ $IRR_1 \approx 22,96\%$ ✓ 0,5

- PA2.

Đơn vị: tr.USD

Năm	0	1	2	3	...	7	8
VĐT	(3)						
Thu nhập		1,2	1,2	1,2		1,2	1,2
Chi phí		(0,5)	(0,5)	(0,5)		(0,5)	(0,5)
GTCL							0,7
Dòng tiền	(3)	0,7	0,7	0,7		0,7	1,4

0,5

Ta có:

$NPV = -3 + 0,7 \cdot \frac{1-(1+IRR_2)^{-8}}{IRR_2} + \frac{0,7}{(1+IRR_2)^8} = 0$ 0,5

⇒ $IRR_2 \approx 18,41\%$ 0,5

Ta có: $IRR_1 = 22,96\%$

$IRR_2 = 18,41\%$

$IRR_{kì\ vọng} = 11\%$

⇒ $IRR_1 > IRR_2 > IRR_{kì\ vọng}$

⇒ Cả hai phương án đều đáp ứng lợi suất kì vọng của doanh nghiệp

⇒ Nếu chỉ được chọn một dự án

tự sản xuất hay mua ngoài.

⊗ Nhược điểm: - Không đánh giá được toàn chi phí sản xuất.
- Không đưa ra được quyết định nên dầu tự sản xuất, hay tự sản xuất 0,5

* Sơ đồ:

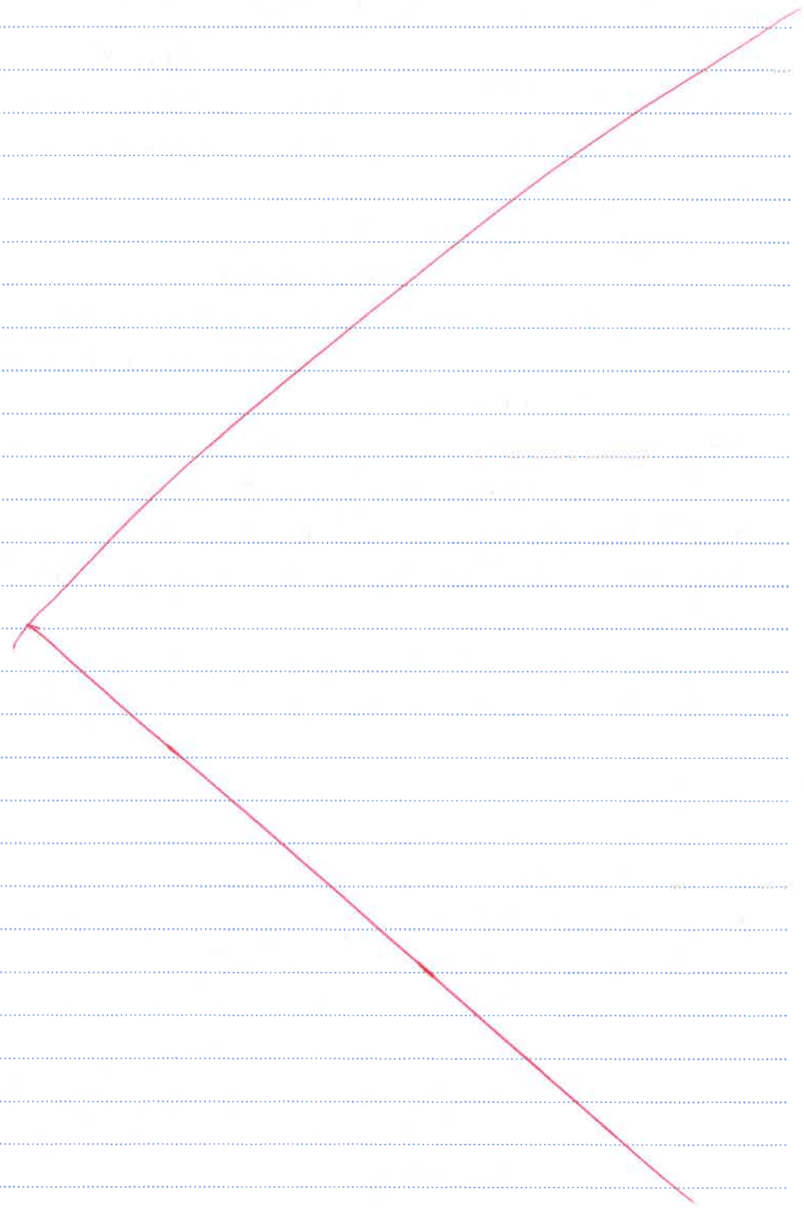

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phách: 109

TÊN HỌC PHẦN: Kế toán quản trị 2.

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9,5	chín rưỡi			- Số tờ: 01 - Mã đề: 01

Kết quả

Câu 1: 2

Câu 2: 0,5

Câu 3: 3

Câu 4: 4

Câu 5:

Cộng: 9,5

Câu 1:

1 B. ✓ 5 Bc ✓
2 D ✓ 6 C ✓
3 BB. ✓ 7 D ✓
4 A ✓ 8 D ✓

Câu 3:

1. Định giá bán sản phẩm theo phương pháp chi phí toàn bộ

x Định phí Biến phí:

Nguyên vật liệu trực tiếp : 20.000 đồng/sp
Nhân công trực tiếp : 8.000 đồng/sp
Biến phí sản xuất chung : 10.000 đồng/sp.

x Định phí:

Định phí sản xuất chung : 18.000 đồng/sp.
Tổng 56.000 đồng/sp. ✓ 0,5

Ta có công thức: giá bán = chi phí nền + chi phí tăng thêm.

- Chi phí tăng thêm = Tổng chi phí sản xuất x Tỷ lệ chi phí tăng thêm

- Tỷ lệ chi phí tăng thêm = $\frac{\Sigma CP\text{ bán hàng} + \Sigma CP\text{ QLDN} + \text{Lãi vay} + \text{Mức hoàn vốn mong muốn}}{\text{Tổng chi phí sản xuất}}$

Mức hoàn vốn mong muốn: 2,2 tỷ x 20% = 0,44 tỷ
= 440 triệu

⇒ % chi phí tăng thêm = $\frac{4000 \times 20.000 + 2.000 \times 20.000 + 440.000.000}{56.000 \times 20.000}$

= 0,5 ≈ 50% 0,5

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

⇒ Chi phí tăng thêm: 56.000 x 0,5 = 28.000 đồng/sp

Vậy giá bán sp theo phương pháp toàn bộ là:

= Chi phí nền + Chi phí tăng thêm

= 56.000 + 28.000

= 84.000 đồng/sản phẩm ✓ 0,5

- Theo phương pháp chi phí trực tiếp

Nguyên vật liệu TT: 20.000 đồng/sp

Nhân công trực tiếp: 8.000 đồng/sp.

Biến phí sản xuất chung: 10.000 đồng/sp.

Biến phí bán hàng và QL doanh nghiệp: 4.000 đồng/sp.

Tổng 42.000 đồng/sp ✓ 0,5

⇒ Chi phí nền: 42.000 đồng/sp

Mức hoàn vốn mong muốn: 2,2 tỷ x 20% = 0,44 tỷ = 440 triệu đồng

Tỷ lệ hoàn chi phí tăng thêm = (Tổng định phí SXC + Tổng định phí bán hàng và QLDN + Lãi vay + Mức hoàn vốn mong muốn) / Tổng biến phí trong sx kinh doanh

= (360 triệu + 40 triệu + 440 triệu) / (42.000 x 20.000) = 1

= 100%.

⇒ Chi phí tăng thêm: 42.000 x 1 = 42.000 đồng/sp.

Vậy giá bán theo phương pháp chi phí trực tiếp là:

42.000 + 42.000 = 84.000 đồng/sp. ✓ 0,5

2) Định giá bán hoà vốn.

gb_{HV} = Σ Định phí x BPSXK / Số lượng

= (360 triệu + 40 triệu) x (42.000 x 20.000) / 20.000

= 16.800 đồng/sản phẩm.

gb_{HV} = Tổng dphí dự + Tổng biến phí

= 56.000 + 6.000

= 62.000 đồng/sp ✓ 0,5

Câu 4:

Sử dụng phương pháp IRR: IRR kỳ vọng 11%.

⊗ Phương án 1:

$NPV_1 = -1,4 + (0,8-0,3) \times \frac{1-(1+r)^{-4}}{r} + \frac{0,4}{(1+r)^4}$ 0,5 1

$\Leftrightarrow \begin{cases} r_1 = 22\% \\ r_2 = 23\% \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} NPV_1 = 0,02737988 \\ NPV_2 = -0,001105120 \end{cases}$

Ta có công thức:

$IRR_1 = r_1 + (r_2 - r_1) \cdot \frac{NPV_1}{|NPV_1| + |NPV_2|}$ 0,5 1

$= 22\% + (23\% - 22\%) \cdot \frac{0,02737988}{|0,02737988| + |-0,001105120|}$

$= 22,96\%$. ✓

* Phương án 2:

$NPV_2 = -3 + (1,2-0,5) \times \frac{1-(1+r)^{-8}}{r} + \frac{0,7}{(1+r)^8}$

$\Leftrightarrow \begin{cases} r_1 = 18\% \\ r_2 = 19\% \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} NPV_1 = 0,040522744455 \\ NPV_2 = -0,057874667789 \end{cases}$ 0,5 1

Ta có công thức:

$IRR_2 = r_1 + (r_2 - r_1) \cdot \frac{NPV_1}{|NPV_1| + |NPV_2|}$

$= 18\% + (19\% - 18\%) \cdot \frac{0,040522744455}{|0,040522744455| + |-0,057874667789|}$

$= 18,41\%$. ✓

Vậy ta có: IRR_1 <Phương án 1>: 22,96%. 0,5

IRR_2 <Phương án 2>: 18,41%.

⇒ Cả hai phương án đều lớn hơn IRR kỳ vọng (11%)

Vậy nên cả hai phương án đều đáng giá, đều đáng để đầu tư.

- Tuy nhiên nếu để chọn 1 trong 2 thì phương án thì ta ưu tiên chọn phương án 1 vì có $IRR_1(22,96\%) > IRR_2$ (18,41%) ✓ 2

Câu 2:

Trình bày sơ đồ ưu nhược điểm của phương pháp phân bổ trực tiếp:

⊗ Ưu điểm: - Khi dùng phương pháp phân bổ trực tiếp sẽ đưa ra quyết định nhanh chóng

- P² phân bổ trực tiếp giúp đưa ra quyết định chính xác, nhanh gọn.
- P² phân bổ trực tiếp giúp người bán điều chỉnh được giá cả hợp lý, phù hợp với thị trường.
- Phương pháp phân bổ trực tiếp giúp đưa ra so sánh được các vấn đề quyết định